

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

(Bản dự thảo lấy ý kiến)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, bao gồm:

- Giao dịch điện tử trong thủ tục đăng ký thuế;
- Giao dịch điện tử trong thủ tục khai thuế;
- Giao dịch điện tử trong thủ tục nộp thuế

- Thủ tục cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi tắt là dịch vụ T-VAN) và quan hệ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với các đối tác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế thực hiện thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế điện tử;
2. Cơ quan thuế, công chức thuế;
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan thuộc phạm vi áp dụng giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là các giao dịch trong thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế được thực hiện bằng phương thức điện tử, việc tiếp nhận, khai, xử lý thông tin tại các thủ tục này được thực hiện và xử lý bằng phương tiện điện tử.
2. Chứng từ điện tử trong hoạt động lĩnh vực thuế là thông điệp dữ liệu về hoạt động đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong lĩnh vực thuế.
3. Tài khoản nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet (sau đây gọi tắt là tài khoản iHTKK) là tài khoản đăng nhập vào cổng thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế để khai báo và đăng ký các thông tin về tên người sử dụng, mật khẩu.
4. Dịch vụ T-VAN: là dịch vụ truyền, nhận thông điệp dữ liệu về thuế điện tử giữa người nộp thuế và cơ quan thuế để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.
5. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: Là đơn vị trung gian thực hiện dịch vụ truyền, nhận thông điệp dữ liệu về thuế điện tử giữa người nộp thuế và cơ quan thuế được cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.
6. Hệ thống thông tin thu nộp thuế: là Hệ thống trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế - Kho bạc nhà nước – tài chính, nơi thực hiện Dự án hiện đại hoá quy trình thu nộp thuế giữa cơ quan Thuế - Kho bạc - Hải quan – Tài chính.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

1. Việc thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải tuân theo nguyên tắc rõ ràng, công bằng, trung thực, an toàn, hiệu quả và phù hợp với Điều 5 của Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và tổ chức cá nhân sử dụng dịch vụ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Đăng ký sử dụng chữ ký số

Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện thủ tục xin cấp chứng thư số với tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng và trả các khoản chi phí để được cấp để duy trì hiệu lực của chứng thư số, đồng thời thực hiện trách nhiệm liên quan đến chứng thư số quy định tại Nghị

định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và quy chế chứng thực, chứng thư số của tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng nơi người nộp thuế xin cấp chứng thư số và Thông tư số 27/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Khi có thay đổi về chứng thư số như cấp lại, thay đổi cặp khoá, tạm dừng hiệu lực thì người nộp thuế phải thông báo lại cho cơ quan thuế biết chậm nhất trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ khi phát sinh thay đổi đó.

Điều 6. Về bảo mật thông tin

Việc trao đổi thông tin về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải được bảo mật theo quy định của pháp luật. Các cơ quan tham gia hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử có trách nhiệm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu điện tử trong phạm vi nhiệm vụ của mình; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo tính bảo mật, an toàn của hệ thống.

CHƯƠNG II

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 7. Phạm vi đăng ký thuế điện tử

Việc đăng ký thuế qua mạng điện tử là việc người nộp thuế kê khai những thông tin của người nộp thuế theo mẫu quy định và nộp tờ khai cho cơ quan thuế để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước qua công thông tin điện tử của cơ quan thuế. Việc đăng ký thuế điện tử hướng dẫn tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với các trường hợp người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế (ví dụ như cá nhân làm công ăn lương, nhà thầu nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao...).

Đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thuế qua mạng thông qua đăng ký doanh theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 8. Điều kiện thực hiện đăng ký thuế điện tử

Người nộp thuế có đủ các điều kiện sau đây được thực hiện thủ tục đăng ký thuế điện tử:

1. Thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế bằng phần mềm ứng dụng Hỗ trợ đăng ký thuế do Tổng cục Thuế cung cấp.

2. Đã được cấp Chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động hoặc tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng đang trong quá trình xin cấp phép của Bộ Thông tin và Truyền thông và được Bộ Tài chính chấp thuận sử dụng (gọi tắt là tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng). Chứng thư số được cấp phải đang còn hiệu lực.

Trường hợp chưa có chữ ký số, người nộp thuế được sử dụng tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu thuế điện tử để thực hiện thủ tục đăng ký thuế điện tử và chịu trách nhiệm về các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet và có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định với cơ quan thuế.

Điều 9. Thủ tục đăng ký nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử

a) Người đăng ký thuế lập hồ sơ đăng ký nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử, bao gồm:

- Văn bản đề nghị đăng ký thuế điện tử của người đăng ký thuế gồm các thông tin: Tên, địa chỉ của người đăng ký thuế; Thời điểm bắt đầu thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng, Địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế.

- Bản sao Chứng thư số do tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng cấp.

Nộp hồ sơ đăng ký việc đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp qua mạng.

b) Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của người đăng ký thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cấp Thông báo về việc đăng ký nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng cho người đăng ký thuế qua địa chỉ thư điện tử của người đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ của người nộp thuế là không hợp pháp, hợp lệ, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết trong thời hạn nêu trên.

Đồng thời, cơ quan thuế thông báo cho người đăng ký thuế số tài khoản iHTKK (là mã đăng nhập công thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế) và mật khẩu đăng nhập của người đăng ký.

c) Sau khi nhận được Thông báo chấp nhận nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng và trước khi thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng Internet, người nộp thuế đăng nhập vào cổng thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế để khai báo tài khoản nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet (sau đây gọi tắt là tài khoản iHTKK) và đăng ký các thông tin về tên người sử dụng, mật khẩu (người đăng ký thuế nên thay đổi lại so với mật khẩu lần đầu cơ quan thuế cấp).

d) Hệ thống iHTKK sẽ tự động gửi Thông báo xác nhận khai báo thông tin đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet qua hệ thống thư điện tử cho người đăng ký thuế.

Điều 10 . Hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

a) Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu quy định đối với từng đối tượng theo quy định tại Thông tư 85/2007/TT-BTC;

b) Các chứng từ đi kèm tờ khai ở dạng điện tử

2. Chứng từ điện tử đi kèm tờ khai đăng ký thuế có giá trị để làm thủ tục đăng ký thuế như chính chứng từ đó thể hiện ở dạng văn bản giấy. Chứng từ điện tử có thể được chuyển đổi từ chứng từ ở dạng văn bản giấy nếu đảm bảo các điều kiện sau: phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy; có xác nhận trên chứng từ giấy “ĐÃ CHUYỂN ĐỔI SANG DẠNG ĐIỆN TỬ” theo “Mẫu dấu chứng nhận đã chuyển đổi sang dạng điện tử” về việc đã được chuyển đổi từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử, có chữ ký và họ tên của người nộp thuế, hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật ký trên chứng từ giấy đã được chuyển đổi sang chứng từ điện tử (nếu người nộp thuế là pháp nhân).

3. Hồ sơ đăng ký thuế nộp qua mạng điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng giấy.

Điều 11. Thủ tục đăng ký thuế điện tử

1. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế và thông báo kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế trong thời hạn quy định tại Thông tư 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 về hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

2. Người đăng ký thuế hoàn thành việc nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng Internet sẽ được nhận Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet thông qua địa chỉ thư điện tử của người đăng ký thuế (mẫu số 05/TB-iHTKK tại phụ lục đính kèm). Trường hợp hồ

sơ đăng ký thuế điện tử không hợp lệ, người đăng ký thuế phải thực hiện lập và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế qua mạng Internet.

3. Thông báo xác nhận nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng được lưu tại tài khoản iHTKK của người đăng ký thuế là căn cứ xác nhận thời điểm người đăng ký thuế đã nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế.

Điều 12 . Thời gian nộp hồ sơ khai đăng ký thuế điện tử

1. Việc đăng ký thuế điện tử được thực hiện qua công thông tin điện tử của cơ quan thuế 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, lễ tết.

2. Thời điểm cơ quan thuế xác nhận hồ sơ đăng ký thuế đã nộp là ngay sau khi người đăng ký chấp nhận nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng. Ngày nộp hồ sơ đăng ký thuế qua mạng được tính từ 0 giờ đến trước 24 giờ cùng ngày.

CHƯƠNG III

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG THỦ TỤC KHAI THUẾ

Điều 13. Điều kiện thực hiện khai thuế điện tử

Người nộp thuế có đủ các điều kiện sau đây được thực hiện thủ tục khai thuế điện tử:

1. Là các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp mã số thuế và đang hoạt động.
2. Thực hiện lập hồ sơ khai thuế bằng phần mềm ứng dụng Hỗ trợ kê khai do Tổng cục Thuế cung cấp và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.
3. Đã được cấp Chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động hoặc tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng đang trong quá trình xin cấp phép của Bộ Thông tin và Truyền thông và được Bộ Tài chính chấp thuận sử dụng (gọi tắt là tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng). Chứng thư số được cấp phải đang còn hiệu lực.

Trường hợp chưa có chữ ký số, người nộp thuế được sử dụng tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu thuế điện tử do để thực hiện thủ tục khai thuế điện tử và chịu trách nhiệm về các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

4. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet và có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định với cơ quan thuế.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người khai thuế điện tử

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 30 Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn, quyền và nghĩa vụ tại các văn bản pháp luật về chính sách thuế; Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính; Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

2. Đảm bảo các điều kiện về thực hiện thủ tục khai thuế điện tử theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Người nộp thuế có quyền truy cập công thông tin điện tử trên Trang trang thông tin điện tử ngành thuế và đăng nhập vào tài khoản iHTKK để xem, in, tải về các hồ sơ khai thuế đã nộp qua mạng Internet.

4. Có trách nhiệm cung cấp thông tin, tạo điều kiện để cơ quan thuế truy cập được vào Hệ thống khai thuế điện tử phục vụ việc kiểm tra, thanh tra.

5. Có trách nhiệm tự quản lý chữ ký số và đảm bảo tính an toàn bảo mật, chính xác của chữ ký số trên hồ sơ khai thuế điện tử; tự quản lý tài khoản nộp hồ sơ khai thuế điện tử, tự quản lý tên và mật khẩu đăng nhập vào tài khoản iHTKK trên công thông tin điện tử thông

qua Trang thông tin điện tử ngành thuế. Định kỳ ít nhất 6 tháng 1 lần, NNT thay đổi mật khẩu để đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu trên hệ thống iHTKK.

6. Có trách nhiệm lưu giữ và đảm bảo tính toàn vẹn toàn bộ chứng từ thuế (dạng điện tử hoặc văn bản) theo thời hạn quy định của Luật Thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn có liên quan

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế, công chức thuế

1. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn; các luật về chính sách thuế; Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính.

2. Cơ quan thuế hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng, cung cấp miễn phí phần mềm hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất; Tư vấn thông qua các hình thức hỗ trợ tại các cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử thuế để thực hiện khai thuế điện tử đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục.

4. Quyết định thủ tục công nhận và quản lý Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

5. Tổng cục Thuế tổ chức hỗ trợ chuyên gia cho NNT thông qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ hotrohtkk@gdt.gov.vn.

Điều 16. Thủ tục đăng ký khai thuế điện tử

Người nộp thuế có đủ các điều kiện thực hiện khai thuế điện tử thực hiện đăng ký khai thuế điện tử với cơ quan thuế như sau:

1. Đăng ký lần đầu

a) Lập hồ sơ đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet theo mẫu số 01/ĐK-iHTKK tại phụ lục đính kèm gồm các thông tin kê khai đăng ký (mã số thuế đã cấp, Tên người nộp thuế, Thời điểm bắt đầu thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng, Địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế.

- Bản sao Chứng thư số do tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng cấp.

b) Nộp hồ sơ đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cấp Thông báo về việc đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet cho Người nộp thuế (mẫu số 02/TB-iHTKK tại phụ lục đính kèm). Thông báo có thể gửi cho người nộp thuế qua bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ của người nộp thuế là không hợp pháp, hợp lệ, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết trong thời hạn nêu trên. Đồng thời, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế số tài

khoản iHTKK (là mã đăng nhập công thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế) và mật khẩu đăng nhập lần đầu qua địa chỉ thư điện tử của NNT.

2. Đăng ký tài khoản nộp hồ sơ khai thuế điện tử

a) Sau khi nhận được Thông báo chấp nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet và trước khi thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, người nộp thuế đăng nhập vào công thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế để khai báo tài khoản nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet (sau đây gọi tắt là tài khoản iHTKK) và đăng ký các thông tin về tên người sử dụng, mật khẩu (người nộp thuế nên thay đổi lại so với mật khẩu lần đầu cơ quan thuế cấp), loại tờ khai thuế nộp qua mạng Internet.

b) Người nộp thuế trong quá trình thực hiện hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, nếu có thay đổi thông tin về loại tờ khai thuế nộp qua mạng (bổ sung, chấm dứt nghĩa vụ kê khai thuế) và địa chỉ thư điện tử phải thực hiện truy cập tài khoản iHTKK, đăng nhập tên và mật khẩu để thực hiện khai báo các thông tin thay đổi bổ sung.

c) Hệ thống iHTKK sẽ tự động gửi Thông báo xác nhận khai báo thông tin đăng ký nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet qua hệ thống thư điện tử cho NNT (mẫu số 03/TB-iHTKK tại phụ lục đính kèm)

3. Đăng ký ngừng thực hiện nộp hồ sơ khai thuế điện tử

a) Người nộp thuế trong quá trình thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, nếu có các lý do phải ngừng thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet phải thực hiện khai báo tài khoản iHTKK về thời điểm chấm dứt và lý do chấm dứt thông qua công thông tin điện tử trên trang Thông tin điện tử ngành thuế.

b) Kể từ thời điểm đăng ký ngừng thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, người nộp thuế phải thực hiện nộp hồ sơ khai thuế bằng văn bản giấy cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan thuế.

c) Hệ thống iHTKK sẽ tự động gửi Thông báo xác nhận ngừng nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet qua hệ thống thư điện tử cho người nộp thuế (mẫu số 04/TB-iHTKK tại phụ lục đính kèm).

Điều 17. Hồ sơ thuế khai điện tử

1. Hồ sơ khai điện tử bao gồm:

- a. Tờ khai thuế điện tử theo từng loại thuế
- b. Các chứng từ đi kèm tờ khai có thể ở dạng điện tử hoặc văn bản giấy.

2. Chứng từ điện tử :

a. Chứng từ điện tử có giá trị để làm thủ tục thuế điện tử như chính chứng từ đó thể hiện ở dạng văn bản giấy;

b. Chứng từ điện tử có thể được chuyển đổi từ chứng từ ở dạng văn bản giấy nếu đảm bảo các điều kiện sau: phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy; có xác nhận trên chứng từ giấy “ĐÃ CHUYỂN ĐỔI SANG DẠNG ĐIỆN TỬ” theo “Mẫu dấu chứng nhận đã chuyển đổi sang dạng điện tử” về việc đã được chuyển đổi từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử, có chữ ký và họ tên của người nộp thuế, hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật ký trên chứng từ giấy đã được chuyển đổi sang chứng từ điện tử (nếu người nộp thuế là pháp nhân).

3. Tờ khai thuế điện tử và các chứng từ đi kèm tờ khai ở dạng điện tử lưu giữ tại tài khoản iHTKK của người nộp thuế có đầy đủ giá trị pháp lý để làm thủ tục khai thuế, xử lý tranh chấp khi được người nộp thuế sử dụng tài khoản truy nhập để thực hiện thủ tục khai thuế điện tử.

Điều 18. Thủ tục khai thuế điện tử

1. Nộp hồ sơ khai thuế

a) NNT bắt đầu thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet đối với các mẫu tờ khai đã đăng ký theo kỳ kê khai thuế trên thông báo của cơ quan thuế bao gồm nộp lần đầu và thay thế, bổ sung nếu có sai sót.

b) Định kỳ tháng, quý, năm, người nộp thuế sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai do Tổng cục Thuế cung cấp miễn phí để thực hiện khai và lập hồ sơ khai thuế.

c) Sau khi hoàn tất việc kê khai (bao gồm cả việc phê duyệt của người đại diện hợp pháp của người nộp thuế), người nộp thuế kết xuất hồ sơ khai thuế (bao gồm các tờ khai thuế và các bảng kê gửi kèm tờ khai thuế) bằng chức năng Kết xuất iHTKK của phần mềm Hỗ trợ kê khai do Tổng cục Thuế cung cấp miễn phí.

d) Người nộp thuế truy cập vào tài khoản iHTKK, đăng nhập tên và mật khẩu để thực hiện Tải tờ khai đã kết xuất bằng phần mềm Hỗ trợ kê khai lên cổng thông tin điện tử trên Trang thông tin điện tử ngành thuế; Thực hiện ký chữ ký số trên tờ khai thuế; Chấp nhận gửi hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế.

2. Nhận thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế

a) Người nộp thuế hoàn thành việc nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet sẽ được nhận Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet thông qua địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (mẫu số 05/TB-iHTKK tại phụ lục đính kèm). Trường hợp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế không hợp lệ, người nộp thuế phải thực hiện lập và gửi lại hồ sơ khai thuế qua mạng Internet.

b) Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet hoặc danh sách tờ khai thuế đã nộp qua mạng Internet được lưu tại tài khoản iHTKK của NNT là căn cứ xác nhận thời điểm người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế và là cơ sở để xử lý người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế theo thời hạn quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 19. Thời gian nộp hồ sơ khai thuế điện tử

1. Người nộp thuế có thể truy cập cổng thông tin điện tử để nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, lễ tết.

2. Thời điểm cơ quan thuế xác nhận hồ sơ khai thuế đã nộp qua mạng Internet cho người nộp thuế là ngay sau khi người nộp thuế chấp nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng. Ngày nộp hồ sơ khai thuế qua mạng được tính từ 0 giờ đến trước 24 giờ cùng ngày.

3. Thời hạn khai thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng được xác định kể từ khi người nộp thuế gửi lại hồ sơ khai thuế qua mạng Internet đảm bảo tính hợp lệ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

4. Khai thay đổi, bổ sung hồ sơ khai thuế qua mạng Internet: người nộp thuế sau khi nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet, có thay đổi bổ sung phải lập hồ sơ khai thuế thay đổi bổ sung theo quy định bằng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế và gửi qua mạng Internet theo quy định.

Điều 20. Xử lý rủi ro trong quá trình thực hiện nộp hồ sơ thuế điện tử

1. Người nộp thuế gặp sự cố trong việc thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet liên hệ ngay với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời (điện thoại, thư điện tử, đến trực tiếp cơ quan thuế...).

2. Trường hợp người nộp thuế không thể nộp hồ sơ khai thuế qua mạng đúng hạn vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng có sự cố, sau khi đã liên hệ với cơ quan thuế nhưng không được xử lý kịp thời, người nộp thuế in hồ sơ khai thuế ra giấy và đến nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Nếu lý do sự cố do hệ thống tiếp nhận hồ sơ khai thuế qua mạng của cơ quan thuế hoặc do hạ tầng mạng của nhà cung cấp dịch vụ Internet (không bao gồm các sự cố thuộc về máy tính, phần mềm ứng dụng tài khoản truy cập Internet của người nộp thuế ...), người nộp thuế không phải chịu khoản phạt do nộp hồ sơ khai thuế quá hạn nói trên.

3. Trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế qua mạng nhưng chưa nhận được Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet thông qua địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế, người nộp thuế kiểm tra lại ngay địa chỉ thư điện tử đã đăng ký và liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn.

4. Trường hợp Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế qua mạng Internet thông qua địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế có nội dung không đúng, thiếu chính xác (như thời điểm đã nộp hồ sơ, loại tờ khai thuế đã nộp...) người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn.

CHƯƠNG IV

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG THỦ TỤC NỘP THUẾ

Điều 21. Thủ tục nộp thuế điện tử

Thủ tục nộp thuế điện tử là quá trình xử lý các giao dịch nộp thuế, chuyển tiền nộp thuế của người nộp thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại ngân hàng, kho bạc nhà nước bằng các lệnh chuyển tiền thành công thông qua các thông điệp điện tử và được lưu giữ tại cơ sở dữ liệu thu ngân sách nhà nước trong hệ thống thông tin của Kho bạc nhà nước, cơ quan thuế.

Điều 22. Điều kiện thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử

Người nộp thuế có đủ các điều kiện sau đây được thực hiện thủ tục khai thuế điện tử:

1. Đã được cấp mã số thuế và đang có nghĩa vụ thuế phải nộp
2. Thực hiện lập hồ sơ nộp thuế bằng phần mềm ứng dụng đang còn hiệu lực do Cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
3. Có tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng đã triển khai Dự án hiện đại hoá thu nộp ngân sách nhà nước nơi trực tiếp thu tiền thuế. Thực hiện nộp thuế bằng chuyển khoản qua Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại.

4. Đã được cấp Chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động hoặc tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng đang trong quá trình xin cấp phép của Bộ Thông tin và Truyền thông và được Bộ Tài chính chấp thuận sử dụng (gọi tắt là tổ chức chứng thực chữ ký số công cộng). Chứng thư số được cấp phải đang còn hiệu lực.

Trường hợp chưa có chữ ký số, người nộp thuế được sử dụng tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu thuế điện tử do để thực hiện thủ tục khai thuế điện tử và chịu trách nhiệm về các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet và có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định với cơ quan kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nơi nộp thuế.

Điều 23. Thời điểm xác định nộp thuế điện tử

Ngày nộp thuế được xác định là ngày nộp thuế người nộp thuế làm thủ tục trích tài khoản của mình qua giao dịch điện tử với Kho bạc nhà nước hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại và được Kho bạc nhà nước hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại và được Kho bạc nhà nước hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại xác nhận qua Thông báo xác nhận nộp thuế qua mạng.

Điều 24. Hồ sơ, chứng từ nộp thuế điện tử

1. Hồ sơ nộp thuế điện tử gồm: Bảng kê nộp thuế dưới dạng điện tử.

Bảng kê nộp thuế điện lưu giữ tại tài khoản điện tử do cơ quan kho bạc hoặc ngân hàng thương mại cấp của người nộp thuế có đầy đủ giá trị pháp lý để làm thủ tục nộp thuế, xử lý tranh chấp khi người nộp thuế sử dụng tài khoản truy nhập để thực hiện thủ tục nộp thuế.

2. Chứng từ nộp thuế điện tử: gồm Bảng kê nộp thuế, Bảng kê chứng từ nộp thuế, Biên lai nộp NSNN in từ máy ATM.

Điều 25. Quy trình nộp thuế điện tử qua Kho bạc nhà nước

1. Người nộp thuế sử dụng tài khoản đã được cấp đăng nhập vào hệ thống dữ liệu nộp thuế qua trang web của ngành thuế để thực hiện nộp thuế qua mạng.

2. Người nộp thuế truy cập vào mục nộp thuế, gõ mã số thuế của người nộp thuế, toàn bộ thông tin về số thuế phải nộp sẽ hiển thị trên Bảng kê nộp thuế.

Người nộp thuế kiểm tra và điền đầy đủ các thông tin, chỉ tiêu trên Bảng kê nộp thuế và dùng chữ ký số để ký vào bảng kê nộp thuế phân danh cho người nộp tiền. Ấn nút nộp tiền để chấp nhận gửi hồ sơ cho cơ quan Kho bạc nơi người nộp thuế có tài khoản tiền gửi để nộp thuế.

3. Căn cứ hồ sơ nộp thuế điện tử do người nộp thuế chuyển đến, cơ quan kho bạc nhà nước kiểm tra thông tin trên tài khoản của người nộp thuế. Nếu có đủ tiền để thanh toán thì thực hiện trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế để thu ngân sách nhà nước đồng thời kết xuất liên Giấy nộp tiền vào ngân sách dưới hình thức điện tử và gửi lại cho người nộp thuế qua tài khoản đã đăng ký với cơ quan kho bạc.

Trong trường hợp tài khoản của người nộp thuế không đủ tiền để thanh toán theo số đã kê khai thì chuyển thông điệp dữ liệu để người nộp thuế biết là giao dịch không thành công.

Các trình tự hành tự khoản thu thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định về quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

4. Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế trên hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế cho Kho bạc nhà nước để phục vụ cho công tác tổ chức thu thuế qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 26. Quy trình nộp thuế điện tử qua ngân hàng

1. Người nộp thuế sử dụng tài khoản đã được cấp đăng nhập vào hệ thống dữ liệu nộp thuế qua trang web của ngành thuế để thực hiện nộp thuế qua mạng.

2. Người nộp thuế truy cập vào mục nộp thuế, gõ mã số thuế của người nộp thuế, toàn bộ thông tin về số thuế phải nộp sẽ hiển thị trên Bảng kê nộp thuế.

Người nộp thuế kiểm tra và điền đầy đủ các thông tin, chỉ tiêu trên Bảng kê nộp thuế và dùng chữ ký số để ký vào bảng kê nộp thuế phân danh cho người nộp tiền. Ấn nút nộp tiền để chấp nhận gửi hồ sơ ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế có tài khoản tiền gửi để nộp thuế.

3. Căn cứ hồ sơ nộp thuế điện tử do người nộp thuế chuyển đến, ngân hàng thương mại kiểm tra tài khoản tiền gửi của người nộp thuế, nếu đủ thanh toán thì thực hiện trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế chuyển dữ liệu để hạch toán vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước.

Đồng thời kết xuất thông tin về giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để chuyển cho người nộp thuế qua tài khoản đã đăng ký với ngân hàng. Ngân hàng thực hiện chữ ký số trên chứng từ trả cho người nộp thuế để chứng minh việc nộp tiền đã hoàn thành.

Trong trường hợp tài khoản của người nộp thuế không đủ tiền để thanh toán theo số đã kê khai thì chuyển thông điệp dữ liệu để người nộp thuế biết là giao dịch không thành công.

4. Các trình tự hành tự khoản thu thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định về quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước

5. Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế trên hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế cho Ngân hàng để phục vụ cho công tác tổ chức thu thuế qua ngân hàng thương mại.

Điều 27. Quy trình nộp thuế điện tử qua máy rút tiền tự động

Hình thức thu ngày được áp dụng khi ngân hàng đã xây dựng được chương trình phần mềm thu thuế qua ATM.

1. Cơ quan thuế quản lý người nộp thuế truyền dữ liệu về người nộp thuế vào hệ thống dữ liệu của ngân hàng;

2. Người nộp thuế đến nơi đặt ATM của ngân hàng, nhập đầy đủ các thông tin theo yêu cầu vào chương trình ATM để chuyển tiền vào tài khoản của kho bạc nhà nước và nhận Biên lai nộp tiền vào NSNN in từ ATM

3. Các trình tự hành tự khoản thu thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định về quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

CHƯƠNG V

DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

TRONG LĨNH VỰC THUẾ (T-VAN)

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa các bên tham gia giao dịch.
2. Thực hiện việc gửi, nhận và cung cấp đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.
3. Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận và chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.
4. Bảo đảm hạ tầng kết nối; các biện pháp kiểm soát, an ninh, an toàn, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.
5. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.
6. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) ban hành.
7. Được thu phí để đảm bảo duy trì hoạt động.
8. Được quyền từ chối cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với cơ quan thuế, tổ chức và cá nhân không đủ điều kiện tham gia giao dịch hoặc vi phạm hợp đồng.

Điều 29. Tiêu chí để được cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Yêu cầu về chủ thể:
 - a) Là doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
 - b) Có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp; giải pháp để thực hiện việc trao đổi dữ liệu điện tử giữa cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp, cụ thể:
 - Có tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng giải pháp công nghệ thông tin hoặc phát triển phần mềm;
 - Đã triển khai hệ thống công nghệ thông tin thành công cho tối thiểu 50 doanh nghiệp;

- Đã triển khai hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử để phục vụ việc trao đổi dữ liệu điện tử giữa các chi nhánh của doanh nghiệp với nhau hoặc giữa doanh nghiệp với các đối tác.

2. Yêu cầu về tài chính

a) Có đủ năng lực tài chính để thiết lập hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ;

b) Có giấy bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc mua bảo hiểm về việc đền bù các khoản có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ truyền, nhận chứng từ điện tử giữa người sử dụng dịch vụ và cơ quan thuế;

c) Có hoặc thuê trụ sở, nơi đặt máy móc, thiết bị phù hợp với yêu cầu của pháp luật về phòng chống cháy, nổ và phù hợp với loại hình cung cấp.

3. Yêu cầu về nhân sự

Có đội ngũ nhân viên đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và quy mô triển khai dịch vụ, cụ thể:

a) Đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chứng chỉ quốc tế về vận hành và bảo mật hệ thống công nghệ thông tin;

b) Đội ngũ cán bộ triển khai am hiểu về nghiệp vụ thuế, pháp luật về thuế.

4. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Thiết lập hệ thống thiết bị, kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cho phép các bên sử dụng dịch vụ truy nhập dịch vụ và đảm bảo kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan chuyên môn trực tuyến 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. Thời gian dừng hệ thống để bảo trì không quá 2% tổng số giờ cung cấp dịch vụ;

- Đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia; có biện pháp kiểm soát giao dịch giữa người sử dụng dịch vụ và cơ quan thuế;

- Có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng;

- Có các quy trình sao lưu dữ liệu, khôi phục dữ liệu, lưu trữ dữ liệu đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về chất lượng lưu trữ bao gồm: Hệ thống lưu trữ dữ liệu phải đáp ứng hoặc được chứng minh là tương thích với các chuẩn mực về hệ thống lưu trữ dữ liệu; có quy trình sao lưu và phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố: đảm bảo sao lưu trực tuyến toàn bộ dữ liệu; đảm bảo thời gian tối đa phục hồi dữ liệu sau khi gặp sự cố là trong vòng 08 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố;

- Tương thích với các chuẩn mực về an ninh hệ thống thông tin;

b) Có giải pháp lưu trữ chứng từ điện tử, kết quả các lần truyền nhận giữa các bên tham gia giao dịch, lưu trữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành với các yêu cầu tối thiểu như sau:

- Thông điệp dữ liệu điện tử gốc phải được lưu giữ trên hệ thống cho tới khi giao dịch được thực hiện thành công;

- Thông điệp dữ liệu điện tử gốc có thể được truy cập trực tuyến cho đến khi giao dịch được thực hiện thành công;

c) Thông tin liên quan đến quá trình thực hiện giao dịch điện tử trên hệ thống phải được lưu giữ trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ thời điểm thực hiện thành công giao dịch. Các thông tin này có thể được truy nhập trực tuyến trong thời gian lưu trữ nêu trên;

d) Có các phương án và hệ thống dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động an toàn, liên tục và có các phương án xử lý tình huống bất thường, khắc phục sự cố;

đ) Có phương án mở rộng dịch vụ khi quy mô sử dụng dịch vụ tăng lên.

Điều 30. Thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN

Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN được lập thành 05 bộ, mỗi bộ gồm có:

a) Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN của tổ chức;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đầu tư của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (bản sao có công chứng);

c) Giấy bảo lãnh của tổ chức tín dụng (bản chính) hoặc hợp đồng bảo hiểm (bản sao có công chứng) về việc đền bù các khoản có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ truyền, nhận chứng từ điện tử giữa người sử dụng dịch vụ VAN với cơ quan cơ quan thuế.

d) Địa chỉ trang Website của tổ chức để người sử dụng truy cập vào sử dụng dịch vụ.

e) Đề án cung cấp dịch vụ T-VAN gồm:

- Kế hoạch kinh doanh chi tiết bao gồm: phạm vi, đối tượng cung cấp dịch vụ; tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; giá cước dịch vụ; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí đầu tư cho từng giai đoạn; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực và các thông tin cần thiết khác;

- Phương án về hạ tầng, giải pháp kỹ thuật; hệ thống trang thiết bị, nhằm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

- Đăng ký thời điểm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan chuyên môn để cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Văn bản cam kết cung cấp dịch vụ lâu dài, tối thiểu 05 năm cho người sử dụng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin có phạm vi bao phủ toàn diện, sẵn sàng kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

2. Tiếp nhận hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN được nộp tại các cơ quan thuế. Nếu hồ sơ đầy đủ hợp lệ, cơ quan thuế ra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ; trường hợp không chấp nhận tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Kiểm tra và chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế tiến hành xem xét, thẩm tra hồ sơ cấp dịch vụ T-VAN của tổ chức. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ các tiêu chí đã nêu tại Điều 15, cơ quan thuế có văn bản chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ VAN của tổ chức. Trong trường hợp cần thiết, thời gian xem xét hồ sơ được kéo dài nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN không đáp ứng các điều kiện tại Điều 14 Thông tư này, cơ quan thuế có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

4. Công bố quyết định chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ T-VAN

Ngay sau khi quyết định chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ VAN, cơ quan thuế công bố công khai trên trang website của đơn vị mình, website của Bộ Tài chính, danh sách các tổ chức đã được chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ T-VAN.

Điều 31. Thủ tục đăng ký lại thời điểm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế để cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Các trường hợp được chấp nhận đăng ký lại thời điểm kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

a) Có đăng ký lại trước thời điểm đăng ký kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế ghi tại hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Quá thời hạn đã đăng ký nhưng có lý do chính đáng về việc chưa triển khai hệ thống.

2. Thủ tục đăng ký lại thời điểm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

a) Đối với trường hợp đăng ký lại trước thời điểm đăng ký kết nối

Khi tổ chức có văn bản xin đăng ký lại thời điểm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế, cơ quan thuế xem xét chấp nhận.

b) Đối với trường hợp quá thời hạn đăng ký cam kết triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ T-VAN:

- Tổ chức phải có đơn giải trình lý do chậm trễ, đăng ký lại thời điểm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

- Căn cứ kết quả xem xét hồ sơ, cơ quan thuế ra quyết định chấp nhận việc đăng ký lại thời điểm triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ T-VAN; trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 32. Thủ tục kết nối hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức đã được chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ T-VAN với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế

Trình tự thực hiện kết nối hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức đã được chấp nhận hồ sơ cung cấp dịch vụ T-VAN với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế thực hiện như sau:

1. Tổ chức có văn bản đăng ký thời điểm kết nối chính thức với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.
2. Sau khi tiếp nhận văn bản đăng ký kết nối chính thức của tổ chức, cơ quan thuế thực hiện:
 - a) Tiến hành kiểm tra, khảo sát hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức;
 - b) Ra thông báo trình tự thực hiện kết nối cho tổ chức trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận văn bản đăng ký chính thức;
 - c) Lập biên bản công nhận việc kết nối.

Điều 33. Cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

Căn cứ vào hồ sơ xin phép cung cấp dịch vụ T-VAN của tổ chức; căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ tài liệu, các tiêu chí về chủ thể, năng lực, nhân sự và phương án kỹ thuật của tổ chức và căn cứ biên bản công nhận hoàn thành việc kết nối thành công hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế, Tổng cục Thuế thực hiện:

1. Cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN cho tổ chức đã hoàn thành việc kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu của cơ quan thuế;
2. Công bố công khai trên website của Bộ Tài chính, website của đơn vị mình danh sách các tổ chức đã được cấp “Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN”

Điều 34. Thủ tục thay đổi nội dung và cấp lại Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải gửi hồ sơ xin thay đổi nội dung giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN tới cơ quan thuế trong các trường hợp sau:
 - a) Khi có nhu cầu thay đổi nội dung giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN;
 - b) Khi tổ chức lại doanh nghiệp.
2. Hồ sơ xin thay đổi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được lập thành 05 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm: đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; bản sao Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đang có hiệu lực; báo cáo tình hình hoạt động và lý do thay đổi nội dung Giấy công nhận; chi tiết nội dung đề nghị sửa đổi và các tài liệu có liên quan.
3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin thay đổi nội dung Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hợp lệ, cơ quan thuế sẽ thẩm tra hồ sơ và

kiểm tra thực tế nếu cần thiết. Trường hợp đề nghị thay đổi vẫn đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại Điều 15 Thông tư này, cơ quan thuế sẽ cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN mới cho tổ chức. Trường hợp đề nghị thay đổi nội dung giấy phép không đáp ứng đủ các yêu cầu, cơ quan thuế có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới các hình thức khác, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được cấp lại. Để được cấp lại Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức phải gửi đơn đề nghị nêu rõ lý do xin cấp lại tới cơ quan thuế và phải trả phí.

Điều 35. Thủ tục tạm đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Các trường hợp tạm đình chỉ

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoạt động sai mục đích quy định trong Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

b) Không đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại Điều 14 Thông tư này trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ đã được đề cập tại hồ sơ đăng ký đề án cung cấp dịch vụ T-VAN;

c) Theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thủ tục tạm đình chỉ

a) Khi cơ quan có thẩm quyền về quản lý nhà nước và xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có hành vi quy định tại tiết a, b khoản 1 Điều 22 Thông tư này thì tiến hành lập biên bản vi phạm đối với tổ chức và chuyển hồ sơ về cơ quan thuế để xem xét ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức.

b) Ngay khi nhận được quyết định tạm đình chỉ hoạt động của cơ quan thuế hoặc của Tòa án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện:

- Tạm dừng việc kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử với cơ quan chuyên môn;

- Không được ký kết hợp đồng mới về việc cung cấp dịch vụ T-VAN với bên sử dụng dịch vụ;

- Tiến hành khắc phục ngay các nguyên nhân dẫn đến tạm đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Xử lý các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ và cơ quan thuế.

c) Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi có quyết định tạm đình chỉ, cơ quan chuyên môn thông báo nội dung tạm đình chỉ trên website của đơn vị mình.

d) Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bị tạm đình chỉ hoạt động nếu Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khắc phục được những vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này thì được cơ quan chuyên môn xem xét, ra quyết định cho phép hoạt động trở lại. Trường hợp Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không khắc phục được vi phạm, thời hạn tạm đình chỉ kéo dài thêm 3 tháng. Quá thời hạn này, Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không khắc phục được sai phạm sẽ bị thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

Điều 36. Thủ tục thu hồi giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Các trường hợp thu hồi

a) Giả mạo chứng từ, cung cấp thông tin không chính xác trong bộ hồ sơ đăng ký đề án cung cấp dịch vụ T-VAN;

b) Không triển khai được hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN theo thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

c) Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 Luật Giao dịch điện tử.

d) Quá thời hạn quy định, không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm đình chỉ;

đ) Tự nguyện xin thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

e) Bị giải thể quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

g) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư /giấy phép đầu tư, bị tuyên bố phá sản theo quyết định của Tòa án.

2. Trình tự thu hồi chứng nhận cung cấp dịch vụ T-VAN

2.1. Trường hợp thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này, trình tự thực hiện như sau:

a) Khi phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có hành vi vi phạm thì cơ quan thuế tiến hành lập biên bản vi phạm và xem xét, ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức.

b) Ngay khi có quyết định tạm đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức phải thực hiện:

- Dừng việc kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế;

- Không được ký kết hợp đồng mới về việc cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định tạm đình chỉ hoạt động phải báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan chuyên môn về giải pháp xử lý các vấn đề về thanh lý hợp đồng với người sử dụng dịch vụ, phương án xử lý dữ liệu;

- Chuyển giao toàn bộ dữ liệu và các thông tin lưu giữ trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN cho cơ quan thuế hoặc chuyển giao dữ liệu đó cho một tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác sau khi có yêu cầu của người sử dụng dịch vụ và được đồng ý của cơ quan thuế;

- Xử lý các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ và cơ quan thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế;

- Trong thời hạn 30 ngày, tiến hành thanh lý các nội dung hợp đồng đã ký kết với người sử dụng dịch vụ về cung cấp dịch vụ T-VAN;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoàn thành việc thanh lý hợp đồng và các giải quyết các vấn đề có liên quan, cơ quan thuế ra quyết định thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đối với tổ chức.

2.2. Trường hợp tự nguyện xin thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, trình tự thu hồi được thực hiện như sau:

Khi tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có đề nghị dừng hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN và thu hồi giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN phải gửi hồ sơ đề nghị với cơ quan chuyên môn để xem xét.

a) Hồ sơ gồm đề nghị thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gồm:

- Văn bản đề nghị tạm dừng cung cấp dịch vụ T-VAN và thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (bản photo);

- Văn bản giải trình lý do đề nghị dừng cung cấp dịch vụ T-VAN và thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Văn bản báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức từ khi hoạt động đến thời điểm đề nghị dừng cung cấp dịch vụ T-VAN và thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Văn bản đề xuất về nội dung và thời gian giải quyết thanh lý hợp đồng với người sử dụng dịch vụ, phương án chuyển giao dữ liệu cho cơ quan thuế, các vấn đề thanh lý khác có liên quan.

b) Tiếp nhận

Hồ sơ xin thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được nộp tại cơ quan thuế. Nếu hồ sơ đầy đủ hợp lệ, cơ quan thuế ra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ, trường hợp không chấp nhận có văn bản trả lời tổ chức và nêu rõ lý do.

c) Kiểm tra và thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn thực hiện các công việc sau:

- Xem xét các văn bản giải trình về lý do đề nghị thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Tiến hành kiểm tra, xác minh về quá trình hoạt động kinh doanh của tổ chức liên quan đến việc dừng cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Ra thông báo chấp nhận và quyết định tạm đình chỉ cung cấp dịch vụ T-VAN, yêu cầu tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại tiết b khoản 2 Điều 21 của Thông tư này.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định tạm đình chỉ hoạt động tổ chức phải hoàn thành mọi trách nhiệm, nghĩa vụ với người sử dụng dịch vụ và cơ quan thuế.

- Cơ quan thuế ra quyết định thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN sau khi tổ chức đã hoàn thành mọi trách nhiệm, nghĩa vụ theo luật định.

2.3. Trường hợp quy định tại tiết e khoản 1 Điều 21 Thông tư này, trình tự thu hồi được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, tổ chức phải gửi quyết định giải thể tới cơ quan thuế.

b) Sau khi nhận được quyết định giải thể của tổ chức, cơ quan thuế thực hiện:

- Yêu cầu tổ chức xử lý các vấn đề về thanh lý hợp đồng với người sử dụng dịch vụ, phương án xử lý dữ liệu; chuyển giao toàn bộ dữ liệu và các thông tin lưu giữ trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN cho cơ quan thuế hoặc chuyển giao dữ liệu đó cho một tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác sau khi có yêu cầu của người sử dụng dịch vụ và được đồng ý của cơ quan thuế; báo cáo cơ quan thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện xong các nội dung theo yêu cầu của cơ quan thuế;

- Có thông báo gửi cơ quan đăng ký kinh doanh biết về việc cơ quan thuế đang tiến hành thủ tục thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN của tổ chức;

- Ra quyết định thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN sau khi tổ chức đã hoàn thành các nội dung theo yêu cầu.

2.4. Trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư/ giấy phép đầu tư, bị tuyên bố phá sản theo quyết định của tòa án, trình tự thu hồi được thực hiện như sau:

a) Trong quá trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, thực hiện thủ tục phá sản, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm xử lý các vấn đề về thanh lý hợp đồng với người sử dụng dịch vụ, xử lý dữ liệu; chuyển giao toàn bộ dữ liệu và các thông tin lưu giữ trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ cho cơ quan thuế hoặc chuyển giao dữ liệu đó cho một tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác sau khi có yêu cầu của người sử dụng dịch vụ và được đồng ý của cơ quan thuế; báo cáo cơ quan thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện xong các nội dung theo quy định;

b) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không thực hiện nghĩa vụ nêu tại tiết a khoản 2.4, Điều 22 Thông tư này, sau khi bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, bị tuyên bố phá sản theo quyết định của Tòa án; người đại diện theo pháp luật, các thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh liên đới chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nêu tại tiết a khoản 2.4 Điều 22 Thông tư này.

c) Cơ quan thuế ra quyết định thu hồi giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, tuyên bố phá sản tổ chức.

d) Công bố quyết định thu hồi chứng nhận cung cấp dịch vụ T-VAN

Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo quyết định tại trụ sở cơ quan cơ quan thuế, website của đơn vị mình.

Điều 37. Giá sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Điều kiện thu tiền sử dụng dịch vụ T-VAN

Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN chỉ được thu tiền sử dụng dịch vụ khi đã có hệ thống công nghệ thông tin vận hành theo mô tả trong đề án giải pháp kỹ thuật, hoàn thành việc kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế và được cơ quan thuế công bố trên website của đơn vị mình.

2. Quản lý giá sử dụng dịch vụ T-VAN

2.1. Người sử dụng dịch vụ và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có quyền thỏa thuận, điều chỉnh về phạm vi cung cấp dịch vụ, mức thu tiền sử dụng dịch vụ phù hợp và phải được thể hiện bằng hợp đồng giữa các bên.

2.2. Người sử dụng dịch vụ phải trả tiền sử dụng dịch vụ T-VAN cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

2.3. Các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện theo nội dung:

a) Sử dụng hóa đơn thu tiền sử dụng dịch vụ cho đối tượng nộp theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng.

b) Các tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động thu, chi của đơn vị; đảm bảo thực hiện đúng các quy định về chế độ kế toán hiện hành.

c) Thực hiện các quy định khác của nhà nước liên quan đến giá dịch vụ.

Điều 38. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với đối tác

1. Mọi quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ T-VAN được xác định trên cơ sở hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ T-VAN.

1.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Ký hợp đồng bằng văn bản với người sử dụng dịch vụ về cung cấp và sử dụng dịch vụ T-VAN, trong đó phải quy định rõ về trách nhiệm của các bên liên quan đến nội dung chứng từ điện tử.

- Được quyền từ chối cung cấp dịch vụ T-VAN đối với cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện tham gia giao dịch hoặc vi phạm hợp đồng.

- Được thu tiền sử dụng dịch vụ T-VAN từ người sử dụng dịch vụ để đảm bảo duy trì hoạt động.

b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên trang website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

- Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa người sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế.

- Thực hiện việc gửi, nhận và cung cấp đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

- Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận và chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

- Bảo đảm hạ tầng kết nối; các biện pháp kiểm soát, an ninh, an toàn, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.

- Thông báo cho người sử dụng dịch vụ và cơ quan chuyên môn trước thời điểm 30 ngày về việc dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp áp dụng để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ

a) Quyền của người sử dụng dịch vụ

- Người sử dụng dịch vụ có quyền lựa chọn các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đã được cơ quan chuyên môn công nhận, công bố trên website để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được quyền sử dụng dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính đối với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên.

- Được tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bảo đảm giữ bí mật về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính, trừ khi có thỏa thuận khác.

b) Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ

- Chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản ký kết trong hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống;

- Người sử dụng dịch vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung khởi tạo của mình.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với cơ quan thuế

Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN là đối tượng chịu sự quản lý của cơ quan thuế trong hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

2.1. Quyền và nghĩa vụ của của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Được phép kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế để thực hiện cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế, sau khi tổ chức đã được cơ quan thuế xác nhận đảm bảo các điều kiện.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ về nghiệp vụ thuế để thực hiện các giao dịch truyền nhận giữa người sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế;

- Được phối hợp với cơ quan thuế thực hiện đào tạo cho người sử dụng dịch vụ để thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Nghĩa vụ của của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức được cấp Giấy công nhận cung cấp dịch vụ T-VAN chỉ được kết nối và bắt đầu các hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với người sử dụng dịch vụ sau khi đã hoàn thành việc triển khai xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và được cơ quan thuế kiểm tra xác nhận;

- Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do cơ quan thuế ban hành

- Có trách nhiệm thiết lập kênh kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. Khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ

giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, chủ động giải quyết và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

- Thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đối với cơ quan thuế.

Tổ chức T-VAN có trách nhiệm báo cáo cơ quan thuế định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật, nghiệp vụ của mình theo yêu cầu của cơ quan thuế, chịu trách nhiệm và chứng minh về tính chính xác và kịp thời của các nội dung và số liệu báo cáo.

2.2. Trách nhiệm của cơ quan thuế

a. Thiết lập, duy trì, đảm bảo kết nối hệ thống của T-VAN với tổ chức cung cấp T-VAN thực hiện dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

b. Phối hợp với các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tổ chức các lớp đào tạo về nghiệp vụ tài chính chuyên ngành và được phép thu phí đào tạo.

c. Kiểm tra hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ và hoạt động đúng theo quy định.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thuế, Kho bạc nhà nước và các Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các ban của Đảng;

- Văn phòng Quốc Hội;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Tòa án nhân dân tối cao;

- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);

- Kiểm toán Nhà nước;

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Công báo;

- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;

- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

www.tapchithue.com

- Luru: VT, PC.